

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2-4</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>6-37</b>
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>6-9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>11-12</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>13-37</i>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân tiền thân là Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung 14 Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 14 số 0101932231 ngày 29 tháng 05 năm 2018.

***Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 14: 46.129.530.000 VND***

***Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2018: 46.129.530.000 VND***

<b>Cổ đông</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Ông Trần Như Canh	2.691.920.000	5,92%
Bà Cao Thị Hòa	2.200.000.000	4,84%
Ông Phó Đức Tùng	2.200.000.000	4,84%
Bà Phan Thị Lại	2.145.000.000	4,72%
Aizawa Securities Co., Ltd	1.658.190.000	3,65%
Ông Nguyễn Huy Hà	1.518.000.000	3,34%
Ông Yu Jen Chieh	987.800.000	2,17%
Các cổ đông khác	32.728.620.000	72,02%
<b>Cộng</b>	<b>46.129.530.000</b>	<b>100%</b>

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 024 3 640 3503/3518  
Fax : 024 3 640 3560  
Website : <http://www.vatel.com.vn>  
Mã số thuế : 0 1 0 1 9 3 2 2 3 1

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 37.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Như Canh	Chủ tịch
Ông Vũ Tuấn Đức	Ủy viên
Ông Trần Văn Tân	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Việt	Ủy viên

**Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phó Đức Tùng	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Thành	Thành viên
Ông Tống Văn Kiên	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Tuấn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Trần Như Canh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Số : 1207.03.01/2018/BCTC-NVT2  
Ngày : 14 tháng 08 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Kính gửi : **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

Phó Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

84  
NG  
KIỂM  
TOÁN  
TÂM  
A -

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>111.362.848.085</b>	<b>113.644.946.972</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.052.965.211</b>	<b>4.065.045.506</b>
1. Tiền	111		2.052.965.211	2.764.662.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.300.383.333
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.604.185.526</b>	<b>6.450.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	9.604.185.526	6.450.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.990.333.446</b>	<b>82.654.884.140</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	26.791.718.826	34.074.883.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.138.206.363	2.807.133.935
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	44.254.650.000	47.219.950.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.194.241.743)	(1.447.083.251)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>26.715.363.902</b>	<b>20.475.017.326</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	29.416.538.618	22.500.898.363
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.701.174.716)	(2.025.881.037)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.678.622.256</b>	<b>8.955.427.471</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>121.259.852</b>	<b>813.713</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	121.259.852	813.713
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.533.201.102</b>	<b>1.898.621.103</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.533.201.102	1.898.621.103
<i>Nguyên giá</i>	222		4.979.638.090	4.979.638.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.446.436.988)	(3.081.016.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		60.768.000	60.768.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(60.768.000)	(60.768.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.956.000.000</b>	<b>6.956.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	6.956.000.000	6.956.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>68.161.302</b>	<b>99.992.655</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	68.161.302	99.992.655
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>120.041.470.341</b>	<b>122.600.374.443</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>69.296.842.084</b>	<b>72.047.787.961</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.296.842.084</b>	<b>72.047.787.961</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13.251.069.084	8.524.091.868
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.356.153.715	1.861.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	756.521.155	1.860.468.725
4. Phải trả người lao động	314		254.746.260	558.908.704
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.061.127.694	4.827.504.967
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	275.257.306	106.498.960
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	46.109.627.133	54.076.975.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		232.339.737	232.339.737
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.744.628.257</b>	<b>50.552.586.482</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>50.744.628.257</b>	<b>50.552.586.482</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		46.129.530.000	46.129.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.129.530.000	46.129.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.172.810)	(60.172.810)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(680.000.000)	(680.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.518.641.691	1.518.641.691
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.000.000	150.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.686.629.376	3.494.587.601
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.494.587.601	2.610.941.927
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		192.041.775	883.645.674
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>120.041.470.341</b>	<b>122.600.374.443</b>

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Phương Linh

Kế toán trưởng



Vũ Văn Quang



Vũ Tuấn Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.688.424.093	30.798.483.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.688.424.093	30.798.483.422
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.547.770.336	23.836.655.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.140.653.758	6.961.827.806
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	414.703.345	43.090.343
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.221.322.860	2.522.653.761
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.221.322.860	2.522.653.761
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.204.428.566	3.018.056.137
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		129.605.677	1.464.208.251
11. Thu nhập khác	31	VI.6	150.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	8.454.632	554.776.990
13. Lợi nhuận khác	40		141.545.368	(554.776.990)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		271.151.045	909.431.261
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	79.109.270	471.951.674
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		192.041.775	437.479.587
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	42,25	96,26

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Linh

Vũ Văn Quang



Vũ Tuấn Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		33.635.584.849	37.961.437.675
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.474.087.982)	(44.759.062.086)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.058.284.302)	(4.352.000.064)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.234.972.860)	(2.522.653.761)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(161.612.200)	(348.563.825)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.220.502.500	16.322.118.387
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.232.379.113)	(1.796.291.106)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.694.750.892</b>	<b>504.985.220</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.654.185.526)	(6.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		414.702.206	43.090.343
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.739.483.320)</b>	<b>(6.156.909.657)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.368.342.565	46.100.047.028
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.335.690.432)	(39.277.425.510)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<u>(7.967.347.867)</u>	<u>6.822.621.518</u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.012.080.295)</b>	<b>1.170.697.081</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4.065.045.506</b>	<b>2.911.676.497</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><b>2.052.965.211</b></u>	<u><b>4.082.373.578</b></u>

Người lập biểu



Nguyễn Phương Linh

Kế toán trưởng



Vũ Văn Quang

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2018



# CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

**2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp

**3. Ngành nghề kinh doanh** :

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, đê, kè, đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời;
- Giám sát “xây dựng và hoàn thiện” công trình thủy lợi;
- Giám sát lắp đặt điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Thẩm định thiết kế các công trình thông tin, bưu chính viễn thông, điện – điện tử;
- Thẩm định hồ sơ mời thầu, dự thầu; thẩm định tổng dự toán các công trình xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy tính và thiết bị tin học; sản xuất phần mềm;
- Tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển ứng dụng và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ điện lạnh, tự động hóa;
- Thi công xây lắp các công trình bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình, điện tử, tin học và chống sét;
- Kinh doanh vật tư ngành bưu chính viễn thông;
- Lập dự án đầu tư các công trình viễn thông, mạng tin học, mạng điện tử, mạng phát thanh truyền hình, hệ thống chống sét, nội thất (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Mua bán, đại lý, ký gửi các sản phẩm công nghệ và thiết bị điện tử, tin học, viễn thông, cơ điện lạnh, tự động hóa và điều khiển;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Tư vấn đầu tư xây dựng và quản lý các nhà máy phát điện sử dụng năng lượng sạch có quy mô vừa và nhỏ (năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng song biển, thủy điện);
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án bảo vệ môi trường, triển khai chuyển giao công nghệ xử lý môi trường, chất thải và nước sạch, vệ sinh môi trường;
- Tư vấn đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Khoan thăm dò, khoan khai thác khoáng sản (không bao gồm khoan khảo sát), nước ngầm, xử lý nền móng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng, phát triển các loại công nghệ mới về tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Khảo sát các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, xây dựng và các công trình phụ trợ khác. Đo đạc bản đồ, khảo sát thiết kế các công trình Công ty được phép thiết kế (không bao gồm khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, khảo sát địa chất thủy văn); khảo sát địa chất công trình; khảo sát xây dựng;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế kết cấu cầu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành bưu điện; thiết kế kết cấu

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

cột anten công trình xây dựng; thiết kế thông tin, bưu chính viễn thông, thiết kế thông tin – liên lạc, thiết kế điện – điện tử; các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, công nghiệp, khu công nghệ cao, thiết kế quy hoạch, kiến trúc công trình xây dựng; thiết kế các công trình giao thông; thiết kế cấp điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;

- Giám sát xây dựng – hoàn thiện công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật: giám sát thi công xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, giao thông nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Công ty liên doanh, liên kết:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNDKK
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành	Số 30, ngõ B1, tập thể công ty công trình bưu điện, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội	49,33%	49,33%

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC giữa niên độ:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2017 và BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

#### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm quản lý xe đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng. Nguyên giá của phần mềm quản lý xe là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi*

Ghi nhận cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### ***Vốn khác thuộc chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***a) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### ***b) Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

+ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty/Doanh nghiệp tự xác định.

+ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

+ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

+ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### 14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### 18. Công cụ tài chính

#### i. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.005.529.932	1.062.073.634
Tiền gửi ngân hàng	47.435.279	1.702.588.539
Các khoản tương đương tiền	802.713.306	1.300.383.333
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	1.300.383.333
<b>Cộng</b>	<b><u>2.052.965.211</u></b>	<b><u>4.065.045.506</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<b>A- Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	9.604.185.526	9.604.185.526	6.450.000.000	6.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.604.185.526</u></b>	<b><u>9.604.185.526</u></b>	<b><u>6.450.000.000</u></b>	<b><u>6.450.000.000</u></b>

Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn cuối kỳ như sau:

Tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (\*) 5.344.722.220 VND

Tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Quân đội (\*\*) 4.259.463.306 VND

(\*) Các sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.344.722.220 VND đang được cầm cố, thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà.

(\*\*) Các sổ tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng, 6 tháng và 12 tháng với tổng giá trị là 4.259.463.306 VND đang được cầm cố, thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành	6.956.000.000	-	6.956.000.000	6.956.000.000	-	6.956.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.956.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.956.000.000</u></b>	<b><u>6.956.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>6.956.000.000</u></b>

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 5 năm 2015, trong đó khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác là 7 tỷ đồng. Năm 2015 Công ty đã mua lại 296.000 cổ phần trong tổng số 600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành, tương đương 6.956.000.000 VND chiếm 49,33% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành.

*Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết*

Công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>929.598.494</b>	<b>1.674.577.200</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Huy Thành - phải thu tiền xây lắp	929.598.494	1.674.577.200
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>25.862.120.332</b>	<b>32.400.306.256</b>
Điện lực Nghệ An	3.231.542.674	2.115.473.346
Điện lực Hải Phòng	12.516.349.107	18.183.560.455
Điện lực Hà Tĩnh	1.763.937.160	3.853.716.417
Ban QLDA Phát triển Điện lực	-	2.603.631.411
Điện lực Cà Mau	281.000.000	1.373.000.000
Điện lực Quảng Ninh	34.984.501	364.451.322
Điện lực Thái Nguyên	3.635.742.386	-
Các khách hàng khác	4.398.564.504	3.906.473.305
<b>Cộng</b>	<b>26.791.718.826</b>	<b>34.074.883.456</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>3.138.206.363</b>	<b>2.807.133.935</b>
Công ty Cổ phần FCO Việt Nam	1.310.223.139	1.110.223.139
Công ty Cổ phần Tập đoàn TMCN Việt Á	-	456.442.156
Xí nghiệp xây lắp điện Cần Thơ	-	400.000.000
Xí nghiệp xây lắp điện Thanh Bình	351.454.545	351.454.545
Công ty Cổ phần Hồng Nam	1.194.775.600	-
Các nhà cung cấp khác	281.753.079	489.014.095
<b>Cộng</b>	<b>3.138.206.363</b>	<b>2.807.133.935</b>

**5. Phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>6.598.650.000</b>	-	<b>6.598.650.000</b>	-
Thành viên Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tạm ứng	6.598.650.000	-	6.598.650.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>37.656.000.000</b>	-	<b>40.621.300.000</b>	-
Tạm ứng thi công công trình	37.656.000.000	-	40.621.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>44.254.650.000</b>	-	<b>47.219.950.000</b>	-

**b) Dài hạn**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Dự phòng	Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	1.278.322.001			Giá gốc	1.613.172.501
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>			<b>1.194.241.743</b>				<b>1.447.083.251</b>
Viễn thông Bạc Liêu	Quá hạn trên 3 năm	144.051.065	144.051.065	144.051.065	Quá hạn trên 3 năm	144.051.065	144.051.065
Viễn thông Đồng Tháp	Quá hạn trên 3 năm	152.021.984	152.021.984	152.021.984	Quá hạn trên 3 năm	152.021.984	152.021.984
Công ty Điện thoại Hà Nội 3	Quá hạn trên 3 năm	54.856.530	54.856.530	54.856.530	Quá hạn trên 3 năm	54.856.530	54.856.530
Viễn thông Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	98.049.971	98.049.971	98.049.971	Quá hạn trên 3 năm	98.049.971	98.049.971
Viễn thông Hà Tĩnh	Quá hạn trên 3 năm	14.469.021	14.469.021	14.469.021	Quá hạn trên 3 năm	14.469.021	14.469.021
Viễn thông Phú Yên	Quá hạn trên 3 năm	81.272.513	81.272.513	81.272.513	Quá hạn trên 3 năm	81.272.513	81.272.513
Viễn thông Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	3.799.982	3.799.982	3.799.982	Quá hạn trên 3 năm	3.799.982	3.799.982
Viễn thông Hải Phòng	Quá hạn trên 3 năm	20.256.062	20.256.062	20.256.062	Quá hạn trên 3 năm	20.256.062	20.256.062
Công ty Cổ Phần Điện lực Khánh Hoà Đà thủ hồi		-	-	-	Quá hạn trên 3 năm	149.393.516	149.393.516
Viễn thông Nghệ An	Quá hạn trên 3 năm	31.831.102	31.831.102	31.831.102	Quá hạn trên 3 năm	31.831.102	31.831.102
Viễn thông Vũng Tàu	Quá hạn trên 3 năm	6.520.602	6.520.602	6.520.602	Quá hạn trên 3 năm	6.520.602	6.520.602
Viễn thông Bình Dương	Đã thu hồi 1 phần	43.447.404	21.723.702	21.723.702	Quá hạn 2 - 3 năm	207.465.388	103.732.694
Viễn thông Hậu Giang	Quá hạn trên 3 năm	4.369.290	4.369.290	4.369.290	Quá hạn trên 3 năm	4.369.290	4.369.290
Tập đoàn Bảo Việt	Quá hạn trên 3 năm	26.237.496	26.237.496	26.237.496	Quá hạn trên 3 năm	26.237.496	26.237.496
Công ty Tài chính CN Tàu Thủy	Quá hạn trên 3 năm	173.510.260	173.510.260	173.510.260	Quá hạn trên 3 năm	173.510.260	173.510.260
Viễn thông Kiên Giang	Quá hạn trên 3 năm	6.384.980	6.384.980	6.384.980	Quá hạn trên 3 năm	6.384.980	6.384.980
Ban QL giao thông đô thị	Quá hạn trên 3 năm	131.047.217	131.047.217	131.047.217	Quá hạn trên 3 năm	152.486.217	152.486.217
Trung tâm Di động khu vực 6	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000
Trung tâm Di động khu vực I	Quá hạn trên 3 năm	44.737.936	44.737.936	44.737.936	Quá hạn trên 3 năm	44.737.936	44.737.936
Ban QLDA Hạ tầng Tà Ngạn	Quá hạn trên 3 năm	908.000	908.000	908.000	Quá hạn trên 3 năm	908.000	908.000
Công ty Cổ phần Xây dựng BCVT	Quá hạn trên 3 năm	17.600.000	17.600.000	17.600.000	Quá hạn trên 3 năm	17.600.000	17.600.000
Công ty Cổ phần TV & TM Toàn Cầu	Quá hạn trên 3 năm	17.281.181	12.096.827	12.096.827	Quá hạn 2 - 3 năm	17.281.181	12.096.827
Trung tâm Di động khu vực 5	Quá hạn 1 - 2 năm	105.822.495	52.911.248	52.911.248	Quá hạn 1 - 2 năm	105.822.495	52.911.248
Viễn thông Sóc Trăng	Quá hạn 2 - 3 năm	8.521.910	4.260.955	4.260.955	Quá hạn 1 - 2 năm	8.521.910	4.260.955
Ban GPMB hành lang VB Cà Mau	Quá hạn trên 3 năm	81.325.000	81.325.000	81.325.000	Quá hạn trên 3 năm	81.325.000	81.325.000
<b>Cộng</b>		<b>1.278.322.001</b>	<b>1.194.241.743</b>			<b>1.613.172.501</b>	<b>1.447.083.251</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<b>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</b>	<b>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	1.447.083.251	-	1.447.083.251
Hoàn nhập dự phòng	(252.841.508)	-	(252.841.508)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.194.241.743</b>	<b>-</b>	<b>1.194.241.743</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.544.608.901	-	19.766.253.646	-
Hàng hóa	5.871.929.717	(2.701.174.716)	2.734.644.717	(2.025.881.037)
<b>Cộng</b>	<b>29.416.538.618</b>	<b>(2.701.174.716)</b>	<b>22.500.898.363</b>	<b>(2.025.881.037)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này</b>
Số đầu năm	2.025.881.037
Trích lập dự phòng bổ sung	675.293.679
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.701.174.716</b>

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	133.400.000	4.846.238.090	4.979.638.090
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>133.400.000</b>	<b>4.846.238.090</b>	<b>4.979.638.090</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	133.400.000	461.198.091	594.598.091
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	133.400.000	2.947.616.987	3.081.016.987
Khấu hao trong kỳ	-	365.420.001	365.420.001
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>133.400.000</b>	<b>3.313.036.988</b>	<b>3.446.436.988</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	1.898.621.103	1.898.621.103
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1.533.201.102</b>	<b>1.533.201.102</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách là 4.846.238.090 VND và 1.533.201.102 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội.

**9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm quản lý xe đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Chi phí trả trước dài hạn**

Là Công cụ dụng cụ xuất dùng còn phải phân bổ

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	99.992.655	-	31.831.353	68.161.302
<b>Cộng</b>	<b>99.992.655</b>	<b>-</b>	<b>31.831.353</b>	<b>68.161.302</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.286.028.714</b>	<b>2.286.028.714</b>	<b>2.286.028.714</b>	<b>2.286.028.714</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Huy Thành	2.286.028.714	2.286.028.714	2.286.028.714	2.286.028.714
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>10.965.040.370</b>	<b>10.965.040.370</b>	<b>6.238.063.154</b>	<b>6.238.063.154</b>
Công ty TNHH Xây lắp điện 1 - Từ Liêm	2.003.350.697	2.003.350.697	1.123.991.183	1.123.991.183
Công ty TNHH Khánh Vinh	537.381.000	537.381.000	537.381.000	537.381.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn TMCN Việt Á	1.825.768.624	1.825.768.624	-	-
Các nhà cung cấp khác	6.598.540.049	6.598.540.049	4.576.690.971	4.576.690.971
<b>Cộng</b>	<b>13.251.069.084</b>	<b>13.251.069.084</b>	<b>8.524.091.868</b>	<b>8.524.091.868</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>4.356.153.715</b>	<b>4.356.153.715</b>	<b>1.861.000.000</b>	<b>1.861.000.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại và Xây lắp điện ACG	-	-	150.000.000	150.000.000
Công ty lưới điện cao thế Miền Nam	1.711.000.000	1.711.000.000	1.711.000.000	1.711.000.000
Điện lực Yên Bái	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-
Tổng Công ty điện lực miền Trung	1.227.272.727	1.227.272.727	-	-
Ban QLDA Phát triển Điện lực	17.880.988	17.880.988	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.356.153.715</b>	<b>4.356.153.715</b>	<b>1.861.000.000</b>	<b>1.861.000.000</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm khác (*)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.548.856.525	632.475.940	(872.371.545)	(781.549.035)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	311.612.200	79.109.270	(161.612.200)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.605.779	(14.605.779)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.860.468.725</b>	<b>729.190.989</b>	<b>(1.051.589.524)</b>	<b>(781.549.035)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

(\*)Nguyên nhân do:

- Năm 2017 đơn vị đã ghi nhận doanh thu và thuế của một số công trình nhưng sang năm 2018 mới xuất hóa đơn.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>4.061.127.694</b>	<b>4.827.504.967</b>
Chi phí nhân công, vận chuyển phải trả	4.061.127.694	4.813.854.967
Chi phí lãi vay	-	13.650.000
<b>Cộng</b>	<b>4.061.127.694</b>	<b>4.827.504.967</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>275.257.306</b>	<b>106.498.960</b>
Bảo hiểm xã hội	203.167.802	29.353.700
Bảo hiểm y tế	23.355.756	5.271.764
Bảo hiểm thất nghiệp	9.705.500	2.302.250
Phải trả về cổ phần hóa	7.827.500	65.235.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31.200.748	4.336.246
<b>Cộng</b>	<b>275.257.306</b>	<b>106.498.960</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>46.109.627.133</b>	<b>46.109.627.133</b>	<b>54.076.975.000</b>	<b>54.076.975.000</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	45.309.627.133	45.309.627.133	50.226.975.000	50.226.975.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Hà (1)	24.093.913.356	24.093.913.356	34.986.016.609	34.986.016.609
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Đống Đa (2)	21.215.713.777	21.215.713.777	15.240.958.391	15.240.958.391
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	200.000.000	200.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.109.627.133</b>	<b>46.109.627.133</b>	<b>54.076.975.000</b>	<b>54.076.975.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thái Hà theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/7612512/HĐTD ký ngày 01 tháng 9 năm 2017. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 80 tỷ đồng, trong đó, dư nợ vay tối đa không vượt quá 55 tỷ đồng. Hạn mức tín dụng thường xuyên bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C (trừ ký quỹ) được chuyển tiếp từ các hợp đồng còn số dư tính đến thời điểm hiện tại mang sang.

Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2018. Lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Các hợp đồng vay được đảm bảo bằng:

+ Xe ô tô TOYOTA CAMRY, BKS: 29A – 628.12; Xe ô tô TOYOTA INNOVA, BKS: 30F – 8249;

+ Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ C23, NƠ 8, KĐT mới Định Công, Hoàng Mai thuộc sở hữu của ông Trần Như Canh và bà Nguyễn Thị Châu Giang;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Tập thể nhà máy Pin Văn Điển thuộc sở hữu của ông Trần Văn Tân và bà Trinh Thị Huyền;

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Căn 302 nhà NƠ 7A thuộc sở hữu của ông Vũ Tuấn Đức và bà Lương Thị Thu Hằng;

+ Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn 204 nhà CT 2 Bắc Linh Đàm thuộc sở hữu của ông Vũ Tuấn Đức và bà Lương Thị Thu Hằng;

+ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Quê Sơn, Tân Ước thuộc sở hữu của ông Trần Văn Tân và bà Trinh Thị Huyền;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thôn Phúc Thọ, Mai Lâm, Đông Anh thuộc sở hữu của ông Đậu Hùng Cường và bà Trần Thị Hoa Mai

+ Các sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam của Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân và bà Nguyễn Thị Châu Giang./.

- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng số 17895.18.059.466767.TD ký ngày 01 tháng 06 năm 2018. Giá trị hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, trong đó: Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND, Hạn mức bảo lãnh thanh toán là 15.000.000.000 VND, Hạn mức bảo lãnh 50.000.000.000 VND, Tổng dư nợ cho vay và bảo lãnh thanh toán tối đa là 30.000.000.000 VND, Tổng hạn mức bảo lãnh gồm bảo lãnh thanh toán tối đa 50.000.000.000 VND. Giá trị HMTD trên đây đã bao gồm toàn bộ dư hạn mức tín dụng gốc theo Hợp đồng tín dụng số 7431.17.059.466767.TD ký ngày 31 tháng 3 năm 2017. Thời gian cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 27/05/2019. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Đống Đa, giá trị: 4.259.463.306 VNĐ

- Ô tô Toyota Lancruiser, BKS: 30A – 561.02; tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính là 75%

- Ô tô Suzuki Ertiga, BKS: 30A – 535.39; tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính là 80%

- Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thi công phát sinh từ phương án tài trợ và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang./.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.226.975.000	30.168.342.565	(35.085.690.432)	45.309.627.133
Vay ngắn hạn các tổ chức	600.000.000	-	-	600.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.250.000.000	200.000.000	(3.250.000.000)	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.076.975.000</b>	<b>30.368.342.565</b>	<b>(38.335.690.432)</b>	<b>46.109.627.133</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.997.960.000	(60.172.810)	(680.000.000)	2.030.381.280	150.000.000	6.742.511.927	50.180.680.397
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.131.570.000	-	-	-	-	(4.131.570.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	883.645.674	883.645.674
Thuế bị phạt theo biên bản thuế	-	-	-	(511.739.589)	-	-	(511.739.589)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>46.129.530.000</b>	<b>(60.172.810)</b>	<b>(680.000.000)</b>	<b>1.518.641.691</b>	<b>150.000.000</b>	<b>3.494.587.601</b>	<b>50.552.586.482</b>
Số dư đầu năm nay	46.129.530.000	(60.172.810)	(680.000.000)	1.518.641.691	150.000.000	3.494.587.601	50.552.586.482
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	192.041.775	192.041.775
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>46.129.530.000</b>	<b>(60.172.810)</b>	<b>(680.000.000)</b>	<b>1.518.641.691</b>	<b>150.000.000</b>	<b>3.686.629.376</b>	<b>50.744.628.257</b>

**b) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.612.953	4.612.953
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.612.953	4.612.953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.612.953	4.612.953
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.000	68.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.000	68.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.544.953	4.544.953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.544.953	4.544.953
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	21.688.424.093	29.978.247.685
Doanh thu hợp đồng tư vấn thiết kế	-	820.235.737
<b>Cộng</b>	<b>21.688.424.093</b>	<b>30.798.483.422</b>

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành		
<i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	2.001.992.740	569.881.000

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.872.476.657	22.752.857.110
Giá vốn của hoạt động tư vấn thiết kế	-	408.504.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	675.293.679	675.293.679
<b>Cộng</b>	<b>16.547.770.336</b>	<b>23.836.655.616</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi	414.703.345	43.090.343
<b>Cộng</b>	<b>414.703.345</b>	<b>43.090.343</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	2.221.322.860	2.522.653.761
<b>Cộng</b>	<b>2.221.322.860</b>	<b>2.522.653.761</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	2.141.795.347	1.624.652.758
Chi phí vật liệu quản lý	31.831.353	71.170.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	365.420.001	365.420.002
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	441.297.700
Dự phòng/(Hoàn nhập) phải thu khó đòi	(252.841.508)	67.920.026
Các chi phí khác	915.223.373	447.594.701
<b>Cộng</b>	<b>3.204.428.566</b>	<b>3.018.056.137</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Xử lý công nợ không phải thanh toán	150.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí khác**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hạch toán bổ sung tiền thuế	-	175.232.353
Phạt do vi phạm hành chính	-	77.230.236
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	281.242.723
Phạt chậm nộp bảo hiểm	8.454.632	21.071.678
<b>Cộng</b>	<b>8.454.632</b>	<b>554.776.990</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.151.045	909.431.261
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	102.671.602	648.993.960
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí khấu hao ô tô phần vượt hơn 1 tỷ 6	94.216.970	94.216.970
Phạt chậm nộp bảo hiểm	8.454.632	21.071.678
Phạt do vi phạm hành chính	-	77.230.236
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	281.242.723
Hạch toán bổ sung tiền thuế	-	175.232.353
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	373.822.647	1.558.425.221
Thu nhập tính thuế	373.822.647	1.558.425.221
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>74.764.529</b>	<b>311.685.044</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>74.764.529</b>	<b>311.685.044</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>160.266.630</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>74.764.529</b>	<b>471.951.674</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	192.041.775	437.479.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	192.041.775	437.479.587
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.544.953	4.544.953
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>42,25</b>	<b>96,26</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.544.953	4.131.796
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	413.157
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>4.544.953</b>	<b>4.544.953</b>

Năm 2017 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chi trả cổ tức năm 2015. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.435.038.097
Chi phí nhân công	2.286.715.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	365.420.001
Chi phí vật dụng quản lý	31.831.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	841.926.334
Các khoản dự phòng	422.452.171
Chi phí khác	918.223.373
<b>Cộng</b>	<b>23.530.554.156</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### **A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.5

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập ban lãnh đạo	676.126.031	545.344.711

### **B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Huy Thành	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Phải thu tiền xây lắp	2.202.192.014	626.869.100
Tiền chưa thuế	2.001.992.740	569.881.000
Thuế GTGT đầu ra doanh thu xây lắp	200.199.274	56.988.100
Thu tiền xây lắp	2.947.170.720	1.277.514.642
Thu tiền tạm ứng tiền mua vật tư	-	410.000.000
Giảm phải trả tiền chi phí nhân công Công trình Hải An	-	1.882.902.020
Tiền thuế GTGT nhân công phải trả	-	209.042.856
Thu lại tiền do không thực hiện Hợp đồng	-	1.450.335.226

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.2b, V3, V.11 ./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, thi công xây lắp trong nước.

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Các khách hàng đều được chỉ định khi thực hiện công trình. Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	46.109.627.133	-	-	46.109.627.133
Phải trả người bán	13.251.069.084	-	-	13.251.069.084
Các khoản phải trả khác	4.591.131.260	-	-	4.591.131.260
<b>Cộng</b>	<b>63.951.827.477</b>	-	-	<b>63.951.827.477</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	54.076.975.000	-	-	54.076.975.000
Phải trả người bán	8.524.091.868	-	-	8.524.091.868
Các khoản phải trả khác	5.492.912.631	-	-	5.492.912.631
<b>Cộng</b>	<b>68.093.979.499</b>	-	-	<b>68.093.979.499</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### **C, Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ/các khoản cho vay và vay có giá trị nhỏ.

##### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### **D, Tài sản đảm bảo**

Công ty thế chấp các xe ô tô và sổ tiết kiệm để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (xem thuyết minh số V.2, V.8 và V.16).

##### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN**

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị sổ sách</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.052.965.211	4.065.045.506	2.052.965.211	4.065.045.506
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.604.185.526	6.450.000.000	9.604.185.526	6.450.000.000
Phải thu khách hàng	25.619.200.785	32.627.800.205	25.619.200.785	32.627.800.205
Các khoản phải thu khác	44.375.909.852	47.220.763.713	44.375.909.852	47.220.763.713
<b>Cộng</b>	<b>81.652.261.374</b>	<b>90.363.609.424</b>	<b>81.652.261.374</b>	<b>90.363.609.424</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	46.109.627.133	54.076.975.000	46.109.627.133	54.076.975.000
Phải trả người bán	13.251.069.084	8.524.091.868	13.251.069.084	8.524.091.868
Các khoản phải trả khác	4.591.131.260	5.492.912.631	4.591.131.260	5.492.912.631
<b>Cộng</b>	<b>63.951.827.477</b>	<b>68.093.979.499</b>	<b>63.951.827.477</b>	<b>68.093.979.499</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

#### 6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 05 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 11 năm 2017, công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu, ghi nhận tăng vốn điều lệ từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này.

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại như sau: (xem thuyết minh VI.9)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	105,88	96,26
<b>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</b>			
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	VI.9	4.131.796	4.544.953

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Phương Linh

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức